

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 100/2011/ND-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2011

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về thành lập và hoạt động văn phòng đại diện
của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc thành lập và hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là văn phòng đại diện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với văn phòng đại diện của các tổ chức nước ngoài bao gồm các tổ chức xúc tiến thương mại và các tổ chức khác tiến hành các hoạt động liên quan đến xúc tiến thương mại tại Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài).

Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài theo Nghị định này bao gồm các tổ chức thuộc Chính phủ hoặc phi Chính phủ, các hiệp hội, hội... được thành lập theo quy định của nước nơi tổ chức đặt trụ sở, thực hiện các hoạt động liên quan đến xúc tiến thương mại tại Việt Nam nhằm: thúc đẩy các hoạt động xúc tiến thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam và ngược lại; hỗ trợ các doanh nghiệp của nước ngoài thâm nhập và hoạt động tại thị trường Việt Nam; nghiên cứu và cung cấp các thông tin kinh tế, thương mại, thị trường cho các tổ chức doanh nghiệp nước ngoài; thúc đẩy các hoạt động ngoại thương/thương mại qua biên giới với Việt Nam; các hoạt động nhằm kết nối giao thương giữa các doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp tại Việt Nam.

2. Nghị định này không áp dụng đối với văn phòng đại diện tại Việt Nam của thương nhân nước ngoài, tổ chức phi Chính phủ nước ngoài, tổ chức hợp tác, nghiên cứu, cơ sở văn hóa giáo dục và các tổ chức nước ngoài khác được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Điều 3. Quản lý nhà nước đối với hoạt động của văn phòng đại diện

1. Bộ Công Thương giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với hoạt động của văn phòng đại diện cụ thể như sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ soạn thảo, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về văn phòng đại diện;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động của văn phòng đại diện;

c) Thanh tra, kiểm tra công tác quản lý của các Sở Công Thương đối với hoạt động của văn phòng đại diện trên phạm vi cả nước;

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương liên quan thanh tra, kiểm tra văn phòng đại diện khi thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương;

đ) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu về văn phòng đại diện trên phạm vi toàn quốc;

e) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của văn phòng đại diện theo thẩm quyền.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện việc quản lý nhà nước đối với việc thành lập và hoạt động của văn phòng đại diện trong lĩnh vực được phân công.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình chỉ đạo Sở Công Thương thực hiện việc quản lý, theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các hoạt động của các tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật.

Chương II

THÀNH LẬP, HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Điều 4. Thành lập văn phòng đại diện

1. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tiến hành các hoạt động liên quan đến xúc tiến thương mại tại Việt Nam phải thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài được thành lập không quá một (01) Văn phòng đại diện của mình trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài. Không được thành lập Văn phòng đại diện trực thuộc Văn phòng đại diện.

4. Việc thành lập Văn phòng đại diện phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định tại Nghị định này (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp giấy phép).

Điều 5. Điều kiện thành lập Văn phòng đại diện

Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài được xét cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài.
2. Có điều lệ, tôn chỉ mục đích hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với luật pháp Việt Nam.

Điều 6. Tổ chức của Văn phòng đại diện

1. Cơ cấu tổ chức và người đứng đầu Văn phòng đại diện do tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tự xác định và phải được đăng ký với cơ quan cấp giấy phép.

2. Việc tuyển dụng và bổ nhiệm người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 7. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện

1. Văn phòng đại diện được thực hiện các hoạt động liên quan đến xúc tiến thương mại bao gồm:

- a) Thực hiện chức năng văn phòng liên lạc;

b) Thực hiện các hoạt động nhằm thúc đẩy các hoạt động xúc tiến thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam và ngược lại; hỗ trợ các doanh nghiệp của nước ngoài tiếp cận và hoạt động tại thị trường Việt Nam; nghiên cứu và cung cấp các thông tin kinh tế; thương mại, thị trường cho các tổ chức doanh nghiệp nước ngoài; thúc đẩy các hoạt động ngoại thương/thương mại qua biên giới với Việt Nam; các hoạt động nhằm kết nối giao thương giữa các doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp tại Việt Nam;

c) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có chức năng thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại của Việt Nam để thực hiện các hoạt động liên quan đến xúc tiến thương mại;

d) Các hoạt động xúc tiến thương mại khác theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng đại diện không được thực hiện các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi trực tiếp tại Việt Nam.

Điều 8. Thông báo hoạt động của Văn phòng đại diện

1. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày được cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập, Văn phòng đại diện phải đăng báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp về những nội dung sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng đại diện;
- b) Tên, địa chỉ trụ sở của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài;
- c) Người đứng đầu Văn phòng đại diện;
- d) Số, ngày cấp, thời hạn của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, cơ quan cấp giấy phép;
- đ) Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện.

2. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Văn phòng đại diện phải chính thức hoạt động và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Công Thương nơi đặt trụ sở Văn phòng đại diện về việc mở cửa hoạt động tại trụ sở đã đăng ký.

Điều 9. Mở tài khoản

1. Văn phòng đại diện được mở tài khoản chuyên chi bằng ngoại tệ và tài khoản chuyên chi bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ tại Ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam và chỉ được sử dụng tài khoản này vào hoạt động của Văn phòng đại diện.

2. Việc mở, sử dụng và đóng tài khoản của Văn phòng đại diện thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 10. Báo cáo hoạt động

1. Định kỳ hàng năm, trước ngày làm việc cuối cùng của tháng 01 năm kế tiếp, Văn phòng đại diện phải gửi báo cáo bằng văn bản về hoạt động trong năm của mình tới cơ quan cấp giấy phép.
2. Văn phòng đại diện phải thực hiện chế độ báo cáo tài chính, chế độ báo cáo thống kê theo các quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật Việt Nam, Văn phòng đại diện có nghĩa vụ báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ của Văn phòng đại diện và người đứng đầu Văn phòng đại diện

Văn phòng đại diện, người đứng đầu Văn phòng đại diện thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo các quy định sau:

1. Hoạt động theo đúng nội dung, phạm vi hoạt động đã quy định trong Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.
2. Được thuê trụ sở và tuyển dụng người làm việc tại Văn phòng đại diện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
3. Đăng ký và sử dụng con dấu của Văn phòng đại diện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
4. Văn phòng đại diện không được thực hiện chức năng làm đại diện cho tổ chức xúc tiến thương mại khác, không được cho thuê lại trụ sở Văn phòng đại diện.
5. Người đứng đầu Văn phòng đại diện không được kiêm nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện của thương nhân, tổ chức nước ngoài khác tại Việt Nam.

6. Người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện phải có giấy phép lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 12. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện

1. Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a) Theo đề nghị của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài và được cơ quan cấp giấy phép chấp thuận;
 - b) Khi tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của nước nơi tổ chức xúc tiến thương mại đó thành lập;

c) Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài không đề nghị gia hạn;

d) Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được cơ quan cấp giấy phép chấp thuận gia hạn;

đ) Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị định này.

2. Trong thời hạn ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài phải gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động đến cơ quan cấp giấy phép, các chủ nợ, người lao động trong Văn phòng đại diện, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan khác. Thông báo này phải nêu rõ thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, phải niêm yết công khai tại trụ sở của Văn phòng đại diện và đăng báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện hoặc ngày quyết định thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này, cơ quan cấp giấy phép phải công bố trên báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện và nêu rõ thời điểm chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài và Văn phòng đại diện hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 13 Nghị định này, cơ quan cấp giấy phép phải xoá tên Văn phòng đại diện trong Sổ đăng ký.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xoá tên Văn phòng đại diện, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Công Thương, cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan công an cấp tỉnh nơi Văn phòng đại diện đặt trụ sở.

Điều 13. Nghĩa vụ của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài đối với Văn phòng đại diện

1. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài phải chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về toàn bộ hoạt động của Văn phòng đại diện của mình tại Việt Nam. Trong trường hợp thực hiện các hoạt động ngoài phạm vi được ủy quyền của Văn phòng đại diện, người đứng đầu Văn phòng đại diện phải chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình và của Văn phòng đại diện theo pháp luật Việt Nam.

2. Ít nhất là 15 ngày trước khi Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định này, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, Văn phòng đại diện có nghĩa vụ thanh toán xong các khoản nợ và các nghĩa vụ khác với nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị định này, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài có nghĩa vụ thanh toán xong các khoản nợ và các nghĩa vụ khác với nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương III **CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN** **GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Điều 14. Trình tự và thời hạn cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

1. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại) để đề nghị cấp phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức.

2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép xem xét và cấp cho tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và gửi bản sao Giấy phép tới Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Sở Công Thương, cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan công an cấp tỉnh nơi Văn phòng đại diện đặt trụ sở. Trường hợp không cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, cơ quan cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

3. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép phải thông báo bằng văn bản để tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

4. Các thời hạn nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều này không bao gồm thời gian tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

5. Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có thời hạn 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài trong trường hợp pháp luật của nước mà tổ chức đó thành lập có quy định thời hạn Giấy phép thành lập.

Điều 15. Hồ sơ cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu quy định do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký;

b) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam;

c) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài thành lập xác nhận;

d) Bản sao Điều lệ hoặc quy chế hoạt động của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài;

đ) Điều lệ hoặc quy chế hoạt động dự kiến của Văn phòng đại diện tại Việt Nam;

e) Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài trong 01 (một) năm gần nhất và dự kiến các hoạt động tại Việt Nam;

g) Lý lịch của người dự kiến làm người đứng đầu Văn phòng đại diện và văn bản bổ nhiệm làm người đứng đầu Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

2. Các loại tài liệu nêu tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều này phải được dịch ra tiếng Việt và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Các trường hợp không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

Cơ quan cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện không cấp Giấy phép cho tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài trong các trường hợp sau đây:

1. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Tổ chức xúc tiến thương mại có tiến hành kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.

3. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong thời gian 02 năm, kể từ ngày bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

4. Có bằng chứng cho thấy việc thành lập Văn phòng đại diện gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của Việt Nam và sức khoẻ của nhân dân, làm huỷ hoại tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường;

5. Hồ sơ không hợp lệ và không bổ sung đủ hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép;

6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

1. Trong những trường hợp sau đây, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi:

- a) Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện;
- b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài;
- c) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- d) Thay đổi tên gọi hoặc hoạt động của Văn phòng đại diện đã được cấp phép.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, bao gồm:

- a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký;
- b) Bản sao (không cần công chứng) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, cơ quan cấp Giấy phép có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung Giấy phép và gửi bản sao Giấy phép đã được sửa đổi, bổ sung cho các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này.

Điều 18. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

1. Trong những trường hợp sau đây, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến cơ quan cấp giấy phép để làm thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi:

a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác;

b) Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài từ một nước sang một nước khác;

c) Thay đổi hoạt động của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài.

2. Trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện với cơ quan cấp giấy phép ngay sau khi phát sinh sự kiện.

Điều 19. Hồ sơ cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký;

b) Bản sao (không cần công chứng) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký;

b) Bản sao Giấy đăng ký thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận. Các giấy tờ quy định tại điểm này phải dịch ra tiếng Việt và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Bản sao (không cần công chứng) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký;

b) Bản sao (không cần công chứng) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

Điều 20. Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

1. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài được gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có nhu cầu tiếp tục hoạt động tại Việt Nam theo hình thức Văn phòng đại diện;
- b) Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài vẫn đang hoạt động theo pháp luật của nước nơi tổ chức xúc tiến thương mại đó thành lập;
- c) Không có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động của Văn phòng đại diện.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký;

b) Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài trong năm tài chính gần nhất. Các giấy tờ quy định tại điểm này phải dịch ra tiếng Việt Nam và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện;

d) Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

3. Trong thời hạn ít nhất 30 ngày trước khi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện hết hạn, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài phải làm thủ tục gia hạn.

4. Thời hạn cơ quan cấp giấy phép làm thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thực hiện như thời hạn cấp mới Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

5. Ngay sau khi hết thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này mà cơ quan cấp giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thì phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức xúc tiến thương mại về lý do không gia hạn Giấy phép.

6. Cơ quan cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này về việc gia hạn hoặc không gia hạn Giấy phép.

7. Thời hạn gia hạn thực hiện như thời hạn Giấy phép của Văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 5 Điều 14 của Nghị định này.

Điều 21. Lệ phí cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện

1. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài phải nộp lệ phí cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương quy định cụ thể mức và việc quản lý lệ phí cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

Chương IV

THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHIÊU NẠI, TỐ CÁO

Điều 22. Thanh tra, kiểm tra

1. Trong quá trình hoạt động, Văn phòng đại diện phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3 của Nghị định này và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc thanh tra, kiểm tra hoạt động của Văn phòng đại diện phải bảo đảm thực hiện đúng chức năng, đúng thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

2. Người ra quyết định thanh tra, kiểm tra không đúng pháp luật hoặc lợi dụng thanh tra, kiểm tra để sách nhiễu, gây phiền hà cho hoạt động của Văn phòng đại diện, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, Văn phòng đại diện có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này hoặc có hành vi vi phạm cụ thể sau đây thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

a) Khai không trung thực, không chính xác, không kịp thời nội dung, thay đổi trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện;

b) Thực hiện các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi trực tiếp tại Việt Nam;

c) Không hoạt động trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này sau khi được cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện;

d) Không thông báo cho cơ quan cấp Giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố, Sở Công Thương theo như quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này;

đ) Thực hiện không đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mở, sử dụng và đóng tài khoản của Văn phòng đại diện;

e) Không có địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện hoặc cho thuê lại trụ sở Văn phòng đại diện hoặc làm đại diện cho tổ chức xúc tiến thương mại khác;

g) Không thực hiện báo cáo định kỳ về hoạt động của Văn phòng đại diện với cơ quan cấp Giấy phép theo quy định;

h) Không thực hiện báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của Văn phòng đại diện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 Nghị định này;

i) Không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép theo quy định của Nghị định này;

k) Tẩy xoá, sửa chữa các nội dung trong Giấy phép được cấp;

l) Hoạt động không đúng nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện ghi trong Giấy phép;

m) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định của Nghị định này;

n) Vi phạm các nghĩa vụ của Văn phòng đại diện và người đứng đầu Văn phòng đại diện theo quy định của Nghị định này;

o) Tiếp tục hoạt động sau khi tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài đã chấm dứt hoạt động;

p) Tiếp tục hoạt động sau khi cơ quan cấp giấy phép thu hồi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện;

q) Không đăng báo theo như quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

2. Ngoài việc xử lý vi phạm hành chính, trong một số trường hợp cơ quan cấp giấy phép xem xét tùy theo tính chất, mức độ vi phạm của Văn phòng đại diện để ra quyết định thu hồi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Việc thu hồi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện được thực hiện theo như quy định tại các khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 12 Nghị định này. Các trường hợp Văn phòng đại diện bị xem xét thu hồi Giấy phép thành lập bao gồm:

a) Không chính thức đi vào hoạt động trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập;

b) Ngừng hoạt động 06 tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan cấp Giấy phép thành lập;

c) Không báo cáo định kỳ về hoạt động của Văn phòng đại diện hàng năm;

d) Không gửi báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 Nghị định này trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền có yêu cầu bằng văn bản;

đ) Hoạt động không đúng chức năng của Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật Việt Nam và các công ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên;

e) Người lao động làm việc tại Văn phòng đại diện vi phạm pháp luật về lao động của Việt Nam.

3. Người đứng đầu Văn phòng đại diện vi phạm các quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tổ chức hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Văn phòng đại diện mà không có Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thì bị chấm dứt hoạt động tại Việt Nam và bị xử lý vi phạm theo pháp luật Việt Nam.

Điều 24. Khiếu nại, tố cáo

Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài có quyền khiếu nại, tố cáo đối với việc cấp hoặc từ chối cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, các quyết định và hành vi trái pháp luật, gây khó khăn, phiền hà của công chức, cơ quan nhà nước. Việc khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2011.

2. Văn phòng đại diện đã được thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động và phải làm thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, theo quy định của Nghị định này trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành Nghị định này và quy định chi tiết về việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện quy định tại Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, QHQT (5b).Q. *280*

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng